TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2018
V/v "Ly hôn giữa bà T và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2018/QĐXX-ST ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2018/QĐST-HPT ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1993; (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng tạm trú: đường H, Phường Y, Quận X, TPHCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 21/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn (giaáy chöùng nhaän keát hoân soá 20, quyển số 01, ngaøy 07/4/2014 do UBND xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp), có hai con chung tên Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 25/4/2016.

Theo bà T trình bày vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 nguyên nhân do tính cách hai bên không phù hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông T sống không có trách nhiệm với vợ con thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, đi làm thì thường xuyên nghỉ việc. Cuộc sống ở quê rất

khó khăn nên bà và ông T phải gửi con cho cha mẹ ruột và cha mẹ chồng chăm sóc, vợ chồng lên Thành phố làm công nhân, hàng tháng gửi tiền về quê để cha mẹ lo cho hai con nhưng ông T vẫn không thay đổi được tính tình, vẫn thường xuyên nhậu nhẹt rồi nghỉ làm, kinh tế gia đình, tiền nuôi hai con bà phải cáng đáng một mình, đôi lúc bà khuyên giải nhưng ông T không nghe còn có hành vi đánh đập, thậm chí bóp cổ bà nên bà rất lo sợ. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: bà Lê Thị Thủy T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con tên Lê Hoàng Anh T., sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Hải B., sinh ngày 25/4/2016 cho đến khi thành niên, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà T thì ông T ngoài việc hay nhậu nhẹt còn có hành vi bạo lực gia đình, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Thủy T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con bà T đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thủy T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thủy T và ông Nguyễn Văn T phát sinh từ năm 2011 nhưng đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, không có niềm tin dành cho nhau nên thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình, ngoài ra ông T còn có hành vi bạo lực với phụ nữ. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông T hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án dù đã được triệp tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: Bà Lê Thị Thủy T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lê Hoàng Anh T., sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Hải B., sinh ngày 25/4/2016 đến khi thành niên, từ trước đến nay hai cháu được ông bà ở Sóc Trăng chăm sóc và cho đi học, hàng tháng bà T và ông T chỉ gởi tiền về lo cho con, nay bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà T trình bày nếu được hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho nuôi con bà sẽ về quê ở Sóc Trăng xin việc làm và sống gần các con, chăm sóc và trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Do ông T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà Lê Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, cấp dưỡng nuôi con bà T đề nghị để hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không đề cập đến.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thủy T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thủy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thủy T và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thủy T và ông Nguyễn Văn T

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01, ngaøy 07/4/2014 do UBND xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Lê Hoàng Anh T., sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Hải B., sinh ngày 25/4/2016 cho bà Lê Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Lê Thị Thủy T .

Bà Lê Thị Thủy T phải tạo mọi điều kiện cho ông Nguyễn Văn T khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Thủy T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Thủy T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Lê Thị Thủy T phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0028984 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thủy T đã nộp đủ án phí.

5. Bà Lê Thị Thủy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- CCTHADS Q.6;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu